

NGHỊ QUYẾT

Về Đề án xây dựng nông thôn mới huyện Cư Kuin

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ V**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐND ngày 22/8/2011 của HĐND huyện về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện Cư Kuin khóa II, nhiệm kỳ 2011-2016;

Xét Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 18/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị thông qua nội dung Đề án xây dựng nông thôn mới huyện Cư Kuin; Báo cáo thẩm tra số 25/BC-BKTXH ngày 24/12/2012 của Ban KTXH HĐND huyện và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành thông qua Đề án xây dựng nông thôn mới huyện Cư Kuin với các nội dung sau:

I. Tên Đề án: Đề án xây dựng nông thôn mới huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.

II. Nội dung Đề án:

1. Các mục tiêu xây dựng nông thôn mới

a) Mục tiêu chung:

- Phân đầu đến năm 2015: Có 25% số xã (Ea Tiêu, Hòa Hiệp) đạt tiêu chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia.

- Đến năm 2020: Có 100% số xã (8/8 xã) đạt tiêu chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia.

b) Mục tiêu cụ thể:

*** Giai đoạn 2011-2015:**

- Về quy hoạch: Hoàn thành công tác quy hoạch nông thôn mới đối với 8/8 xã trên địa bàn huyện trong quý IV năm 2011 và thực hiện tốt công tác quản lý theo quy hoạch.

- Về hạ tầng kinh tế - xã hội:

+ Giao thông: Đảm bảo giao thông được thông suốt, trong đó 70% tuyến đường liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; 60% đường trục thôn, buôn được cứng hóa, 50% đường trục chính nội đồng đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận tiện.

+ Thủy lợi: Kiên cố hóa hệ thống kênh mương đạt trên 50% và chủ động nước tưới cho trên 80% diện tích cây trồng.

+ Điện: Đảm bảo 100% số thôn, buôn có điện và 99% số hộ được dùng điện sinh hoạt.

+ Trường học: Có 100% thôn, buôn có điểm trường hoặc lớp mẫu giáo; 80% số phòng học được kiên cố hóa. Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn Quốc gia là 30% (đối với Trường Mầm non), 60% (đối với Trường Tiểu học) và 30% (đối với Trường Trung học).

+ Cơ sở vật chất văn hóa: Phần đầu có 100% thôn, buôn được quy hoạch đất để xây dựng điểm văn hóa thể thao, trong đó có 60% được xây dựng theo quy định.

+ Thông tin, bưu điện: Có 50% số thôn, buôn có dịch vụ internet, tỷ lệ sử dụng điện thoại là 130 máy điện thoại/100 hộ dân và sử dụng internet là 15 thuê bao/100 hộ dân.

+ Nhà ở dân cư: Phần đầu không còn nhà tạm, nhà dột nát, đảm bảo 60% số hộ có nhà đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

+ Kinh tế và tổ chức hợp tác: Tăng thu nhập bình quân đầu người đạt 1,5 lần so với năm 2010; giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3%/năm; giảm tỷ lệ lao động thiếu việc làm khu vực nông thôn xuống dưới 5%; giảm tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp xuống còn 60%; có các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn và hoạt động hiệu quả.

- Về văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường:

+ Giáo dục: Phần đầu 80% học sinh học xong THCS được tiếp tục học THPT, nâng tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học lên 80%, học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi trên 90%; lao động trong độ tuổi ở nông thôn qua đào tạo đạt 45%.

+ Y tế: Có 100% số xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế.

+ Văn hóa: Có 65% thôn, buôn đạt tiêu chuẩn văn hóa.

+ Môi trường: Có 85% dân cư nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia; các nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch; các cơ sở sản xuất kinh doanh ở địa phương phải cơ bản đạt các tiêu chuẩn về môi trường.

- Về hệ thống chính trị xã hội và an ninh, trật tự an toàn xã hội: Có 8/8 xã có đầy đủ các tổ chức trong hệ thống cơ sở theo quy định và hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; 70% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh; 100% số xã và tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở đạt vững mạnh toàn diện; 100% cán bộ xã đạt chuẩn theo quy định. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

* **Đến năm 2020:** Có 100% số xã (8/8 xã) đạt tiêu chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia.

- Nâng thu nhập của người dân nông thôn lên gấp 2 lần so với thu nhập đầu người khu vực nông thôn của năm 2015, không còn hộ nghèo (theo tiêu chuẩn hiện hành).

- Có trên 98% số hộ dân nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

- Có hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh, an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2. Phạm vi thực hiện đề án: Các xã thuộc huyện Cư Kuin.

3. Vốn và nguồn vốn:

a) Tổng dự toán ngân sách thực hiện đề án:

Tổng vốn đầu tư cho chương trình trên toàn huyện cả giai đoạn 2012 - 2020 là 2.290.477 triệu đồng.

+ Giai đoạn 2012 - 2015: là 1.584,797 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 69,19% so tổng vốn.

+ Giai đoạn 2016 - 2020: là 705,680 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 30,81% tổng vốn.

b. Nguồn vốn

- Vốn ngân sách: 1.177,599 tỷ đồng;

- Vốn tín dụng: 121,471 tỷ đồng;

- Vốn từ doanh nghiệp: 267,160 tỷ đồng;

- Vốn huy động trực tiếp từ cộng đồng dân cư nông thôn: 283,725 tỷ đồng;

- Vốn khác: 18,978 tỷ đồng.

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác: 421,544 tỷ đồng

4. Thời gian thực hiện đề án: năm 2010 - 2020

Giai đoạn 1: năm 2010 - 2015.

Giai đoạn 2: năm 2016 - 2020.

(có Đề án kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao cho UBND huyện căn cứ chức năng nhiệm vụ triển khai thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà nghị quyết đã đề ra, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân huyện;

Thường trực HĐND huyện, 2 Ban của HĐND và đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được HĐND huyện Cư Kuin khóa II, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2012./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT HĐND tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- UBNDTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa II;
- TT HĐND, UBND các xã;
- Đài Truyền thanh huyện;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Y Sanh BDáp